TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2019.
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng.
2. Ông Trần Đại Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

-Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn vào năm 1993 có làm lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nhưng hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị mất, cũng không nhớ rõ đăng ký kết hôn năm nào. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn Trần Thanh T.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có hai con chung anh Trần Thanh T sinh ngày 24/09/1995 hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Trần Thị Mỹ D sinh ngày 13/9/2003 hiện cháu đang sống chung với nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Bị đơn đồng ý với ngyên đơn về thời gian kết hôn năm 1993, có làm lễ cưới theo truyền thống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nhưng hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị mất, cũng không nhớ rõ đăng ký kết hôn năm nào. Con chung, tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay. Mâu thuẫn vợ chồng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn Nguyễn Thị H. Đồng ý để nguyên đơn nuôi dưỡng con chung và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội Thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn. Về con chung ghi nhận sự tựn nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, nguyên đơn được trược tiếp nuôi dưỡng con chung bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị H khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con với bị đơn Trần Thanh T và bị đơn đang cư trú tại ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Nguyễn Thị H khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con với bị đơn Trần Thanh T. Nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn.

Về sự vắng mặt của bị đơn Trần Thanh T, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án căn vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Trần Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1993 có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình tại Ủy ban Nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, do đó khi có yêu cầu xin ly hôn Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính cách và cách sống, sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù họp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của đương sự.

[3] Về con chung thời gian chung sống nguyên đơn và bị đơn có hai con chung cháu anh Trần Thanh T sinh ngày 24/09/1995 hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Trần Thị Mỹ D sinh ngày 13/9/2003 cháu hiện đang chung sống với nguyên đơn và cháu D cũng có nguyện vọng được chug sống với nguyên đơn. Nguyên đơn cũng có yêu cầu được nuôi con chung và khồng yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con bị đơn đồng ý để nguyên đơn được nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử xem xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39,147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Trần Thanh T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự và nguyện vọng của con chung giao chị Nguyễn Thị H được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mỹ D, giới tính: Nữ, sinh ngày 13/9/2003 và anh Trần Thanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Thanh T không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017990 ngày 23/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn Nguyễn Thị H không phải nộp thêm.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân